

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Ông Lý Đêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987; (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Vào năm 2004, chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Phạm Thanh T tổ chức lễ cưới theo phong tục và sống chung với nhau như vợ chồng. Đến năm 2013, chị L

và anh T đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/2013. Thời gian đầu, chị L và anh T sống chung hạnh phúc, có 03 con chung là cháu Phạm Thị Thùy T, giới tính nữ, sinh ngày 06/12/2004; cháu Phạm Minh Đ, giới tính nam, sinh ngày 01/10/2010 và cháu Phạm Minh K, giới tính nam, sinh ngày 14/3/2012.

Cuộc sống chung giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết nên sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

- *Về con chung*: Theo nguyện vọng của các con là muốn được sống với mẹ, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với mỗi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, chị L không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải bị đơn Phạm Thanh T trình bày:

Anh T và chị L tổ chức lễ cưới theo phong tục, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng đến năm 2013, anh T và chị L mới đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng có 03 con chung, việc phát sinh mâu thuẫn và việc vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2016 giống như lời chị L đã trình bày. Tuy nhiên, anh T vẫn còn thương vợ con nên không thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị L.

- *Về con chung*: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và Cháu K, không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con; đồng ý giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, anh T không cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ; thể hiện được những nội dung sau:*

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2019 của Tòa án đối với con chung của anh T và chị L (Bút lục 24, 25, 26), xác định được nguyện vọng của cháu T, cháu Đ và cháu K là được sống với chị Nguyễn Thị Thùy L.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/11/2019 của Tòa án đối với Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L (Bút lục 45), xác định được: Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh T và chị L vào

ngày 06/6/2013; còn việc phát sinh tranh chấp, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh T và chị L cụ thể thế nào? Ủy ban nhân dân xã H không rõ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung và quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, có tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Phạm Thanh T;

+ *Về con chung:* Theo nguyện vọng của các con, giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thùy T, cháu Phạm Minh Đ và cháu Phạm Minh K. Anh T phải cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với 01 con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về con chung và cấp dưỡng với anh Phạm Thanh T, yêu cầu trên được quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Anh Phạm Thanh T cư trú tại ấp H, xã H, thị xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của đương sự phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đủ cơ sở khẳng định chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/6/2013. Cuộc sống chung của chị L và anh T hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 và vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập, thực hiện đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị L và anh T không có thỏa thuận, không do yêu cầu công việc hoặc lý do chính đáng khác mà chỉ vì mâu thuẫn nên đã không sống chung với nhau, không quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Cháu Phạm Thị Thùy T, cháu Phạm Minh Đ và cháu Phạm Minh K; nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con; đồng thời, các con đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thùy T, cháu Phạm Minh Đ và cháu Phạm Minh K.

[4] Về cấp dưỡng: Anh Phạm Thanh T không đồng ý việc cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, xét trên cơ sở nhu cầu thiết yếu về nuôi dưỡng, học tập và phát triển của các con. Đối chiếu với quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và điều kiện thực tế cuộc sống thì việc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với 01 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV; chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn; anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thùy T, giới tính nữ, sinh ngày 06/12/2004; cháu Phạm Minh Đ, giới tính nam, sinh ngày 01/10/2010 và cháu Phạm Minh K, giới tính nam, sinh ngày 14/3/2012.

Trong thời gian chị L trực tiếp nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng: Anh Phạm Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng đối với mỗi con chung, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, cấp dưỡng cho đến khi cháu T, cháu Đ và cháu K thành niên, lao động được hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị L có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007934 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy L được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Phạm Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt Bản án hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thanh